

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt :

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật tư, vật liệu, thiết bị:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|------------------|
| 1.1. Đối với các vật tư, vật liệu chính: xi măng, sắt thép các loại, đá dăm các loại, cát các loại, vật tư thiết bị điện, cột điện BTCT, cần đèn các loại, bộ đèn led. | - Có bảng kê danh mục vật tư, vật liệu chính trong đó kê khai rõ chủng loại và nguồn gốc/xuất xứ. * Trường hợp nhà thầu là đơn vị kinh doanh các loại vật tư, vật liệu: + Nhà thầu cung cấp: Hợp đồng kinh tế hoặc hoá đơn mua bán các vật tư, vật liệu đã thực hiện để chứng minh khả năng cung cấp vật tư, vật liệu cho gói thầu. * Trường hợp nhà thầu mua vật tư, vật liệu từ đơn vị khác: + Có cam kết của đơn vị cung cấp hoặc hợp đồng nguyên tắc với nhà cung cấp (ghi rõ tên gói thầu và được đóng dấu giáp lai) về việc cung cấp vật tư, vật liệu đảm bảo chất lượng và đáp ứng tiến độ thi công. Kèm theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của đơn vị cung cấp. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | Đạt |

| | | |
|--|--|------------------|
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |
|--|--|------------------|

2. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|------------------|
| 2.1. Tổ chức mặt bằng công trường | - Có thuyết minh giải pháp bố trí mặt bằng thi công bao gồm: Thiết bị thi công, lán trại, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí công ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công. <i>(Nhà thầu có trách nhiệm tự khảo sát, tìm hiểu để đề xuất phù hợp với thực tế hiện trạng gói thầu)</i> | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 2.2. Tổ chức quản lý hiện trường | - Có sơ đồ tổ chức hiện trường và có thuyết minh sơ đồ tổ chức hiện trường trong đó nêu rõ nhiệm vụ của từng bộ phận, trách nhiệm của các nhân sự đề xuất phù hợp với gói thầu. - Có giải pháp bố trí nhân lực thi công đảm bảo tiến độ và chất lượng thi công. - Có giải pháp huy động, kiểm tra máy móc, thiết bị trước ca làm việc và bảo dưỡng định kỳ để kịp thời khắc phục sự cố của máy móc, thiết bị đảm bảo tiến độ thi công. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 2.3. Thuyết minh biện pháp thi công chi tiết | - Có thuyết minh biện pháp kỹ thuật thi công chi tiết đầy đủ cho các hạng mục (bao gồm tất cả công việc trong từng hạng mục) theo đúng trình tự yêu cầu kỹ thuật, phù hợp với hồ sơ thiết kế và đáp ứng yêu cầu E-HSMT. - Có bản vẽ mô tả biện pháp, công nghệ thi công cho các hạng mục công việc phù hợp với đề xuất biện pháp thi công và hồ sơ thiết kế. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| Kết luận | Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không | Không |

| | | |
|--|------|------------|
| | đạt. | đạt |
|--|------|------------|

3. Tiến độ thi công:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|------------------|
| 3.1. Thời gian thi công gói thầu | Đề xuất thời gian thi công gói thầu không vượt quá 150 ngày có tính đến điều kiện thời tiết. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 3.2. Biểu tiến độ thi công | Có Biểu tiến độ thi công các hạng mục công việc hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 3.3. Biểu đồ nhân lực, biểu đồ cung cấp vật tư, biểu đồ huy động thiết bị | Có biểu đồ cung cấp từng loại vật tư chính (<i>theo mục 1.1</i>), biểu đồ huy động nhân lực, biểu đồ huy động thiết bị chủ yếu phù hợp với tiến độ thi công các hạng mục công việc. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| Kết luận | Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

4. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|---|------------------|
| 4.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng vật tư, vật liệu đưa vào sử dụng | - Có biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng, lưu kho, bảo quản vật tư, vật liệu, thiết bị (nếu có) được sử dụng cho công trình phù hợp ; - Có giải pháp xử lý các vật tư, vật liệu, thiết bị không phù hợp với gói thầu. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt |

| | | |
|--|---|------------------|
| 4.2. Biện pháp đảm bảo chất lượng thi công | Có biện pháp bảo đảm chất lượng phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, bao gồm: + Biện pháp kiểm tra, bảo đảm chất lượng thi công cho từng hạng mục (bao gồm các công tác chính). + Biện pháp lập và lưu trữ hồ sơ, nhật ký thi công, bản vẽ hoàn công, nghiệm thu, thanh quyết toán theo quy định; | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 4.3. Thí nghiệm hiện trường | - Nhà thầu có năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng hoặc có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đủ năng lực theo quy định của Pháp luật (Tổ chức hoạt động thí nghiệm phải được công bố năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng trên trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng). - Có kế hoạch tổ chức thực hiện các công tác thí nghiệm, kiểm tra, thử nghiệm vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng trước và trong khi thi công xây dựng. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt |
| 4.4. Biện pháp đảm bảo chất lượng thi công, tiến độ thi công trong mùa mưa bão | Có đầy đủ các biện pháp hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, bao gồm: - <i>Tổ chức bộ máy phòng chống bão lụt tại công trường.</i> - <i>Có biện pháp bảo vệ vật liệu, thiết bị, các bộ phận công trình, hạng mục công trình.</i> - <i>Có giải pháp thi công các hạng mục phù hợp trong mùa mưa.</i> | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| Kết luận | Cả 4 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không | Không |

| | | |
|--|------|------------|
| | đạt. | đạt |
|--|------|------------|

5. An toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|--|------------------|
| 5.1. An toàn lao động, an toàn giao thông | <ul style="list-style-type: none"> - Có thuyết minh biện pháp an toàn lao động, an toàn giao thông hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Công tác thực hiện và kiểm tra an toàn lao động trên công trường. + Biện pháp bảo đảm ATLĐ cho các hạng mục trong quá trình thi công và sử dụng máy móc. + Biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình vận chuyển các vật tư, vật liệu, thiết bị. + Biện pháp bảo đảm an toàn cho các công trình lân cận trong suốt quá trình thi công. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 5.2. Biện pháp phòng cháy, chữa cháy | <ul style="list-style-type: none"> - Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. <ul style="list-style-type: none"> + Tổ chức bộ máy PCCC tại công trường. + Biện pháp phòng cháy chủ động tại công trường được áp dụng. + Biện pháp chữa cháy tại chỗ và ứng phó khi có sự cố cháy nổ. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 5.3. Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường | <ul style="list-style-type: none"> - Có biện pháp bảo đảm về môi trường bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, kiểm soát nước thải, chất thải rắn và các loại chất thải khác phù hợp với đề xuất về kỹ thuật, phù hợp các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành. - Có biện pháp thu gom, vận chuyển vật liệu, chất thải rắn xây dựng theo quy định của pháp luật hiện hành. | Đạt |
| Kết luận | Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | Đạt |

| | | |
|--|--|------------------|
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |
|--|--|------------------|

6. Bảo hành và uy tín của nhà thầu:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|------------------|
| 6.1. Thời gian bảo hành công trình | - Có đề xuất thời gian bảo hành ≥ 12 tháng cho công trình kể từ ngày Chủ đầu tư nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 6.2. Uy tín của nhà thầu về kết quả thực hiện hợp đồng từ 01/01/2023 trở lại đây. | Nhà thầu có cam kết không vi phạm nội dung tại Điều 19, Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| Kết luận | Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

E-HSMT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chí tổng quát (1,2,3,4,5,6) thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.